TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **205**/2026/DS-ST
Ngày 03-4-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**
Ông **Hoàng Minh Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Khánh Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-DS ngày 04.3.2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Đường T, phường T, TP Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Đường Đ, phường H, TP Đà Nẵng (Phường T, Quận H, TP Đà Nẵng cũ). *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương H trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Phương H và bà Huỳnh Thị L có quan hệ quen biết nên bà H có cho bà L vay theo Giấy mượn tiền ngày 11/02/2023. Theo giấy mượn tiền, bà Huỳnh Thị L vay của bà Nguyễn Thị Phương H số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), không tính lãi, cam kết hoàn trả với số tiền 20.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả hết vào ngày 10/12/2024. Tuy nhiên, sau khi vay, bà Huỳnh Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng cam kết, nhiều lần khất lần, đến nay vẫn chưa trả cho bà Nguyễn Thị Phương H bất kỳ khoản nào. Đặc biệt, bà Huỳnh Thị L đã cắt đứt và chặn hoàn toàn mọi liên lạc với bà Nguyễn Thị Phương H (gọi điện, nhắn tin đều không thể

kết nối). Điều này cho thấy bà Huỳnh Thị L có dấu hiệu cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Phương H.

Hành vi trên đã gây thiệt hại trực tiếp về kinh tế, buộc bà Nguyễn Thị Phương H phải khởi kiện ra Tòa để được pháp luật bảo vệ. Do đó, căn cứ pháp lý Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 463, 466, 468 về hợp đồng vay tài sản), Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 bà Nguyễn Thị Phương H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Huỳnh Thị L trả số tiền gốc 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Buộc bà L phải thanh toán khoản lãi từ khi hết thời hạn trả nợ là ngày 11/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 03/4/2026 là 782 ngày theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể như sau: 240.000.000 đồng x 782 ngày x 10%/năm = 52.133.000 đồng (Năm mươi hai triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Tổng số tiền yêu cầu: 240.000.000 đồng + 52.133.000 đồng = 292.133.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng).

*** Bị đơn là bà Huỳnh Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Huỳnh Thị L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền tính đến ngày 03/4/2026 là 292.133.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng). Trong đó: Tiền gốc: 240.000.000 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 52.133.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương H với bị đơn là bà Huỳnh Thị L; địa chỉ: Đường Đ, phường H, TP Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.4] Bị đơn bà Huỳnh Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Huỳnh Thị L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Huỳnh Thị L.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H đối với bà Huỳnh Thị L thì thấy:

[2.1] HĐXX xét thấy, bà Nguyễn Thị Phương H cho rằng đã cho bà Huỳnh Thị L vay số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Nguyễn Thị Phương H đã cung cấp chứng cứ là "Giấy mượn tiền" viết tay ngày 11/02/2023 có nội dung thể hiện việc bà Huỳnh Thị L có vay bà Nguyễn Thị Phương H 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), hẹn trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)/01 tháng, hạn cuối vào ngày 10/02/2024.

[2.2] Bị đơn là bà Huỳnh Thị L mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ bà Nguyễn Thị Phương H, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc bà Huỳnh Thị L nợ bà Nguyễn Thị Phương H số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

[2.3] Xét giao dịch dân sự giữa bà Nguyễn Thị Phương H và bà Huỳnh Thị L là không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Bà Huỳnh Thị L vi phạm cam kết trả nợ theo "Giấy mượn tiền" viết tay ngày 11/02/2023 nên việc bà Nguyễn Thị Phương H khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị L thanh toán 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) là có cơ sở phù hợp nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Phương H, HĐXX xét thấy: Tại "Giấy mượn tiền" viết tay ngày 11/02/2023 bà Huỳnh Thị L cam kết thanh toán hạn cuối vào ngày 10/02/2024 nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn. Do đó, bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ trả lãi từ ngày chậm trả là 12/02/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 03/4/2026 (782 ngày) với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau: 240.000.000 đồng x 782 ngày x 10%/năm = 52.133.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Phương H là: 240.000.000 đồng + 52.133.000 đồng = 292.133.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Bị đơn là bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có nghĩa vụ thanh toán 292.133.000 đồng x 5% = 14.606.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm linh sáu ngàn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H đối với bà Huỳnh Thị L về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Huỳnh Thị L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương H tổng số tiền là 292.133.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng); trong đó: tiền gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/02/2024 đến ngày là 03/4/2026 là 52.133.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

1. Bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.606.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm linh sáu ngàn đồng).

2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền tạm ứng án phí 1à 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0004825 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh